

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BẢN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13/08/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Văn Chinh.

Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bản, Toà án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021, về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn 1 M H, xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Quốc T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn T A 1, xã T A, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

Những người làm chứng:

- Ông D Văn H – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1 M H, xã M L, huyện V B, tỉnh L C.

- Ông Lương Văn Ph – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1 M H, xã M L, huyện V B, tỉnh L C.

- Ông Nguyễn Văn Đ – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T A 1, xã T A, huyện V B, tỉnh L C.

- Ông Lê Ngọc T – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T A 1, xã T A, huyện V B, tỉnh L C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày: Chị H và anh T đăng ký kết hôn lần đầu năm 2002 tại UBND xã Tân An, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên đến năm 2006 đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết ly hôn, được Tòa án giải quyết tại Quyết định số 16/2006/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2006 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên, năm 2015 hai anh chị đã tự nguyện quay về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2018 tại UBND xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh đập vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình do vậy hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Được gia đình động viên thì anh Toàn đã điều trị bằng biện pháp uống Methadone và hứa sửa chữa, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến tháng 6/2020, anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T A 1, xã T A sinh sống. Hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Đôi bên gia đình có khuyên giải nhưng không được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng không ai có con riêng, có 02 con chung là: Đoàn Tùng D - sinh ngày 03/3/2005 và Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019. Các cháu phát triển bình thường, không bị dị tật bẩm sinh.

- Đối với cháu Đoàn Tùng D - sinh ngày 03/3/2005, đã được giải quyết tại Quyết định số 16/2006/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Theo đó, giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H là 300.000đ/ tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đến nay, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với cháu Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay chị H là nhân viên y tế thuộc Trạm y tế xã M L, huyện V B, tỉnh Lào Cai, có mức thu nhập khoảng 9.800.000đ (*Chín triệu tám trăm nghìn đồng*)/ tháng. Cùng với cấp dưỡng của anh T cho cháu D là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*)/

tháng. So với mức thu nhập và điều kiện sống của địa phương là đảm bảo cho cuộc sống của ba mẹ con.

Về tài sản chung: Chị H xác định hai vợ chồng không có tài sản gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị H xác định hai vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào, cũng không cho ai vay nợ gì nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021, bị đơn anh Đoàn Quốc T trình bày: Anh T và chị H đăng ký kết hôn lần đầu năm 2002 tại UBND xã Tân An, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn. Ngày 20/9/2018 đăng ký kết hôn lại tại UBND xã M L, huyện V B, tỉnh Lào Cai. Theo anh T thì hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên chị H đã chuyển vào sinh sống và làm việc tại xã Minh Lương, thỉnh thoảng rảnh rỗi thì mới về nhà. Đến nay, chị H đề nghị ly hôn anh không nhất trí vì anh T xác định hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Bản thân anh T mong muốn con cái có cả bố và mẹ.

Về con: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng không ai có con riêng, có 02 con chung là: Đoàn Tùng D - sinh ngày 03/3/2005 và Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019. Các cháu phát triển bình thường, không bị dị tật bẩm sinh.

- Đối với cháu Đoàn Tùng D - sinh ngày 03/3/2005, đã được giải quyết tại Quyết định số 16/2006/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Theo đó, giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H là 300.000đ/ tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đến nay, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với cháu Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019, nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay, anh T đang là lao động tự do, có thu nhập khoảng 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)/tháng. Hiện nay đã có nhà ở riêng nên anh T đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh T không đề nghị tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương:

- Ông D Văn Hùng - Trưởng thôn 1 Minh Hạ, xã M L, huyện V B, tỉnh Lào Cai xác nhận: Anh T và chị H đăng ký kết hôn ngày 20/9/2018 tại UBND xã Minh Lương. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Đoàn Quốc T thường xuyên tụ tập tại các tụ điểm mua bán ma túy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh T nghiện chất ma túy và đã hứa sẽ sửa chữa nhưng không thay đổi được.

- Tại các Biên bản xác minh tại Trưởng thôn Tân An 1, Công an xã Tân An, UBND xã Tân An, xác định: Anh T và chị H đăng ký kết hôn lần đầu năm 2002 tại UBND xã Tân An, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn. Ngày 20/9/2018 đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Minh Lương. Tại thời điểm xác minh, chị H và anh T không còn chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành mở phiên họp để hòa giải giữa các đương sự nhưng không hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; áp dụng Khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và điều 238; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H được ly hôn với anh Đoàn Quốc T.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Diễm M, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu M.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với anh Đoàn Quốc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Đoàn Quốc T đăng ký kết hôn lần đầu năm 2002 tại UBND xã Tân An, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn. Ngày 20/9/2018 đăng ký kết hôn lại tại UBND xã M L, huyện V B, tỉnh Lào Cai. Về mâu thuẫn vợ chồng:

- Chị H cho rằng: Từ đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh đập vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình do vậy hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Được gia đình động viên thì anh Toàn đã điều trị bằng biện pháp uống Methadone và hứa sửa chữa, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến tháng 6/2020, anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Tân An 1, xã Tân An sinh sống. Hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Đôi bên gia đình có khuyên giải nhưng không được.

- Anh T cho rằng: hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên chị H đã chuyển vào sinh sống và làm việc tại xã Minh Lương, thỉnh thoảng rảnh rỗi thì mới về nhà. Đến nay, chị H đề nghị ly hôn anh không nhất trí vì anh T xác định hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Bản thân anh T mong muốn con cái có cả bố và mẹ.

Như vậy cả hai bên đương sự đều xác nhận, hai vợ chồng hiện nay không cùng chung sống với nhau. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành mở phiên họp để hòa giải giữa các đương sự nhưng không hòa giải được

Căn cứ xác nhận của Ông D Văn H - Trưởng thôn 1 Minh Hạ, xã M L, huyện V B, tỉnh Lào Cai xác nhận: Anh T và chị H đăng ký kết hôn ngày 20/9/2018 tại UBND xã Minh Lương. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Đoàn Quốc T thường xuyên tụ tập tại các tụ điểm mua bán ma túy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau.

- Căn cứ các Biên bản xác minh tại Trưởng thôn Tân An 1, Công an xã Tân An, UBND xã Tân An, xác định: Tại thời điểm xác minh, chị H và anh T không còn chung sống với nhau

Như vậy đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Đoàn Quốc T đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh H đối với anh Đoàn Quốc T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Tùng D - sinh ngày 03/3/2005 và Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019. Các

cháu phát triển bình thường, không bị dị tật bẩm sinh. Quan điểm của hai bên đương sự khi ly hôn như sau:

- Đối với cháu Đoàn Tùng D - sinh ngày 03/3/2005, đã được giải quyết tại Quyết định số 16/2006/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Theo đó, giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H là 300.000đ/ tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đến nay, anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với cháu Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Căn cứ Bảng thanh toán tiền lương, xác định chị H là nhân viên y tế thuộc Trạm y tế xã M L, huyện V B, tỉnh Lào Cai, có mức thu nhập khoảng 9.800.000đ (*Chín triệu tám trăm nghìn đồng*)/ tháng. Căn cứ xác nhận của UBND xã Tân An về mức thu nhập của anh T, hiện nay anh T là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập là 38.000.000đ/người/năm.

Như vậy, về khả năng kinh tế hai bên đương sự đều đảm bảo được cuộc sống và nhu cầu học tập phát triển của cháu M. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu M chưa tròn 36 tháng tuổi, cần giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Đoàn Quốc T xác nhận đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Đoàn Quốc T xác định, hai vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào, cũng không cho ai vay nợ gì nên không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh H. Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H được ly hôn với anh Đoàn Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Diễm M – sinh ngày 20/02/2019 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Đoàn Diễm M đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Quốc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Quỳnh H.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P số 0004114 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Xác nhận chị Nguyễn Thị Quỳnh H đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Đoàn Quốc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh H và bị đơn anh Đoàn Quốc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Minh Lương
- Lưu HS, TP, TA.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Ngọc Long

